

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
-oOo-

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA HỌC PHẦN (30%)
KHÓA HỌC 2018-2020

Học phần: Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học (01AV01:

Lớp: Cao học Ngôn ngữ Anh khóa 5 (CH18AV01)

CBGD: LÊ Thanh Hoà

Số tín chỉ: 3 31/10

Ngày kiểm tra: 16/05/2019

Giờ kiểm tra:

STT	Họ và tên	MSHV	Ngày sinh	S.tò/ Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên
1	Nguyễn Thị Ngân Anh	188220201001	10/05/1995	1	9.0	Chín . Không	
2	Đàm Lưu Bảo Châu	188220201002	23/11/1990	1	9.0	Chín . Không	
3	Nguyễn Thị Hằng	188220201003	28/10/1996	1	9.0	Chín . Không	
4	Lê Thị Thúy Hằng	188220201004	12/09/1987	1	9.0	Chín . Không	
5	Tô Kim Hồng	188220201005	24/01/1996	1	9.0	Chín . Không	
6	Nguyễn Thị Linh Hương	188220201006	30/05/1986	1	9.0	Chín . Không	
7	Nguyễn Thị Ngọc Loan	188220201007	01/09/1990	1	9.0	Chín . Không	
8	Ngô Thị Yến Nhi	188220201008	20/07/1992	1	9.0	Chín . Không	
9	Nguyễn Phương Hồng Phúc	188220201009	19/09/1996	1	9.0	Chín . Không	
10	Lê Thị Kim Sang	188220201010	15/10/1978	1	9.0	Chín . Không	
11	Trịnh Thị Thư	188220201011	10/06/1990	1	9.0	Chín . Không	
12	Lương Mỹ Trân	188220201012	24/09/1996	1	9.0	Chín . Không	
13	Phan Thị Lệ Trinh	188220201013	1995	1	9.0	Chín . Không	
14	Phan Hoàng Diễm Trúc	188220201014	20/09/1995	1	9.0	Chín . Không	
15	Phạm Văn Sơn Khanh	188220201015	26/12/1953	1	9.0	Chín . Không	
16	Nguyễn Đặng Minh Hoa	188220201016	16/09/1995	1	9.0	Chín . Không	

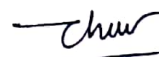
Số SV dự KT: 16 Số tờ giấy KT: Số SV vắng KT: Ngày 31 tháng 10 năm 2019

Các STT chỉnh sửa:

Số chỗ chỉnh sửa:

Phòng Đào Tạo Sau Đại Học

Cán bộ giảng dạy



LÊ Thanh Hoà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
-oOo-

33

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA KẾT THÚC HỌC PHẦN (70%)
KHÓA HỌC 2018-2020

Học phần: Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học (01AV01)
Lớp: Cao học Ngôn ngữ Anh khóa 5 (CH18AV01)
CBGD: LÊ Thanh Hoà

Số tín chỉ: 3
Ngày kiểm tra: 31/10/2019
Giờ kiểm tra:

STT	Họ và tên	MSHV	Ngày sinh	S.từ/ Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên
1	Nguyễn Thị Ngân Anh	188220201001	10/05/1995		.	.	Vắng
2	Đàm Lưu Bảo Châu	188220201002	23/11/1990	4	9.2	Chín . Hai	
3	Nguyễn Thị Hằng	188220201003	28/10/1996	11	8.5	Tám . Năm	
4	Lê Thị Thúy Hằng	188220201004	12/09/1987	8	9.3	Chín . Ba	
5	Tô Kim Hồng	188220201005	24/01/1996	12	8.7	Tám . Bảy	
6	Nguyễn Thị Linh Hương	188220201006	30/05/1986	4	8.7	Tám . Bảy	
7	Nguyễn Thị Ngọc Loan	188220201007	01/09/1990		.	.	Vắng
8	Ngô Thị Yến Nhi	188220201008	20/07/1992	4	8.9	Tám . chín	
9	Nguyễn Phương Hồng Phúc	188220201009	19/09/1996		.	.	Vắng
10	Lê Thị Kim Sang	188220201010	15/10/1978	8	9.1	Chín . Một	
11	Trịnh Thị Thư	188220201011	10/06/1990	6	8.1	Tám . Một	
12	Lương Mỹ Trân	188220201012	24/09/1996	5	8.0	Tám . Không	
13	Phan Thị Lệ Trinh	188220201013	1995	3	9.1	Chín . Một	
14	Phan Hoàng Diễm Trúc	188220201014	20/09/1995	6	8.8	Tám . Tám	
15	Phạm Văn Sơn Khanh	188220201015	26/12/1953		.	.	Vắng
16	Nguyễn Đặng Minh Hoa	188220201016	16/09/1995	4	9.0	Chín . Không	

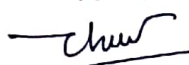
Số SV dự KT: 12 Số tờ giấy KT: Số SV vắng KT: 04 Ngày 31 tháng 10 năm 2019

Các STT chỉnh sửa:

Số chỗ chỉnh sửa:

Phòng Đào Tạo Sau Đại Học

Cán bộ giảng dạy



LÊ Thanh Hoà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

-oOo-

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA KẾT THÚC HỌC PHẦN (70%)
KHÓA HỌC 2018-2020

Số tín chỉ: 4

Ngày kiểm tra:

Giờ kiểm tra:

Học phần: Triết học (01MC01)

Lớp: Cao học Ngôn ngữ Anh khóa 5 (CH18AV01)

CBGD:

STT	Họ và tên	MSHV	Ngày sinh	S.tò/ Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên
1	Nguyễn Thị Ngân Anh	188220201001	10/05/1995	1	8	Đạt	Minh
2	Đàm Lưu Bảo Châu	188220201002	23/11/1990	1	8	Đạt	Châu
3	Nguyễn Thị Hằng	188220201003	28/10/1996	1	8	Đạt	Hằng
4	Lê Thị Thúy Hằng	188220201004	12/09/1987	2	8	Đạt	Thúy
5	Tô Kim Hồng	188220201005	24/01/1996	1	8	Đạt	Hồng
6	Nguyễn Thị Linh Hương	188220201006	30/05/1986	1	8	Đạt	Linh
7	Nguyễn Thị Ngọc Loan	188220201007	01/09/1990	1	8	Đạt	Loan
8	Ngô Thị Yến Nhi	188220201008	20/07/1992	1	8	Đạt	Nhi
9	Nguyễn Phương Hồng Phúc	188220201009	19/09/1996	1	8	Đạt	Phúc
10	Lê Thị Kim Sang	188220201010	15/10/1978	2	8	Đạt	Sang
11	Trịnh Thị Thư	188220201011	10/06/1990	1	8	Đạt	Thư
12	Lương Mỹ Trân	188220201012	24/09/1996	1	8	Đạt	Trân
13	Phan Thị Lệ Trinh	188220201013	1995	1	8	Đạt	Trinh
14	Phan Hoàng Diễm Trúc	188220201014	20/09/1995	1	8	Đạt	Trúc
15	Phạm Văn Sơn Khanh	188220201015	26/12/1993				
16	Nguyễn Đặng Minh Hoa	188220201016	16/09/1995	1	8	Đạt	Hoa

Số SV dự KT: 15 Số tờ giấy KT: 17 Số SV vắng KT: 01 Ngày 08 tháng 12 năm 20 18

Cán bộ coi KT 1: Nguyễn Thị T. T. ThảoCán bộ coi KT 2: Nguyễn T. Cẩm Vân

Thư ký nhận bài KT: _____

Phòng Đào Tạo Sau Đại Học

Cán bộ giảng dạy

TS. Ngô Quốc Văn

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA HỌC PHẦN

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Số Tín chỉ: 04
Ngày kiểm tra:

Lớp Cao học Ngôn ngữ Anh khóa 5 (CH18AV01)
Học phần: Triết học
CBGD:

STT	Mã học viên	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Điểm số	Ký tên
1	188220201001	Nguyễn Thị Ngân Anh	10/05/1995	Nữ	Bình Dương	8	
2	188220201002	Đàm Lưu Bảo Châu	23/11/1990	Nữ	Bình Dương	8	
3	188220201004	Lê Thị Thúy Hằng	12/09/1987	Nữ	Bình Dương	8	
4	188220201003	Nguyễn Thị Hằng	28/10/1996	Nữ	Thanh Hóa	8	
5	188220201016	Nguyễn Đặng Minh Hoa	16/09/1995	Nữ	Bình Dương	8	
6	188220201005	Tô Kim Hồng	24/01/1996	Nữ	Sông Bé	9	
7	188220201006	Nguyễn Thị Linh Hương	30/05/1986	Nữ	Đồng Nai	9	
8	188220201015	Phạm Văn Sơn Khanh	26/12/1953	Nam	Sài Gòn	4	
9	188220201007	Nguyễn Thị Ngọc Loan	01/09/1990	Nữ	Cà Mau	8	
10	188220201008	Ngô Thị Yến Nhi	20/07/1992	Nữ	Bình Dương	8	
11	188220201009	Nguyễn Phương Hồng Phúc	19/09/1996	Nữ	TP.HCM	9	
12	188220201010	Lê Thị Kim Sang	15/10/1978	Nữ	Bình Dương	8	
13	188220201011	Trịnh Thị Thư	10/06/1990	Nữ	Thanh Hóa	8	
14	188220201012	Lương Mỹ Trân	24/09/1996	Nữ	Bình Dương	8	
15	188220201013	Phan Thị Lê Trinh	1995	Nữ	Bình Dương	8	
16	188220201014	Phan Hoàng Diễm Trúc	20/09/1995	Nữ	Bình Dương	8	

Số HV dự thi: 15 Vắng: 1

Ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ giảng dạy

Phòng ĐT Sau đại học

Nguyễn Quốc Việt

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
-oOo-

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA HỌC PHẦN (30%)
KHÓA HỌC 2018-2020

Học phần: Tư duy biện luận ứng dụng (01MC03)
Lớp: Cao học Ngôn ngữ Anh khóa 5 (CH18AV01)
CBGD:

Số tín chỉ: 2

Ngày kiểm tra:

Giờ kiểm tra:

STT	Họ và tên	MSHV	Ngày sinh	S.tò/ Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên
1	Nguyễn Thị Ngân Anh	188220201001	10/05/1995		8		
2	Đàm Lưu Bảo Châu	188220201002	23/11/1990		9		
3	Nguyễn Thị Hằng	188220201003	28/10/1996		8,5		
4	Lê Thị Thúy Hằng	188220201004	12/09/1987		8,5		
5	Tô Kim Hồng	188220201005	24/01/1996		8		
6	Nguyễn Thị Linh Hương	188220201006	30/05/1986		8		
7	Nguyễn Thị Ngọc Loan	188220201007	01/09/1990		8		
8	Ngô Thị Yên Nhi	188220201008	20/07/1992		8		
9	Nguyễn Phương Hồng Phúc	188220201009	19/09/1996		8		
10	Lê Thị Kim Sang	188220201010	15/10/1978		9		
11	Trịnh Thị Thư	188220201011	10/06/1990		8		
12	Lương Mỹ Trân	188220201012	24/09/1996		8,5		
13	Phan Thị Lệ Trinh	188220201013	1995		8,5		
14	Phan Hoàng Diễm Trúc	188220201014	20/09/1995		8,5		
15	Phạm Văn Sơn Khanh	188220201015	26/12/1953		8		
16	Nguyễn Đặng Minh Hoa	188220201016	16/09/1995		8		

Số SV dự KT: 46 Số tờ giấy KT: 46 Số SV vắng KT: 0 Bình Dương Ngày 10 tháng 05 năm 20 19

Các STT chỉnh sửa:

Số chỗ chỉnh sửa:

Phòng Đào Tạo Sau Đại Học

Cán bộ giảng dạy

Nguyễn Hoàng Huệ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

-oOo-

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA KẾT THÚC HỌC PHẦN (70%)

KHÓA HỌC 2018-2020

Học phần: Tư duy biện luận ứng dụng (01MC03)

Lớp: Cao học Ngôn ngữ Anh khóa 5 (CH18AV01)

CBGD:

Số tín chỉ: 2

Ngày kiểm tra:

Giờ kiểm tra:

STT	Họ và tên	MSHV	Ngày sinh	S.tò/ Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên
1	Nguyễn Thị Ngân Anh	188220201001	10/05/1995		8,5	Tam' 8,5	M
2	Đàm Lưu Bảo Châu	188220201002	23/11/1990		9	Chín	Châu
3	Nguyễn Thị Hằng	188220201003	28/10/1996		8	Tam	Hằng
4	Lê Thị Thủy	188220201004	12/09/1987		9	Chín	Thủy
5	Tô Kim Hồng	188220201005	24/01/1996		8	Tam	Hồng
6	Nguyễn Thị Linh	188220201006	30/05/1986		8	Tam	Linh
7	Nguyễn Thị Ngọc Loan	188220201007	01/09/1990		7,5	Bảy rưỡi	Loan
8	Ngô Thị Yến Nhi	188220201008	20/07/1992		7	Bảy	Nhi
9	Nguyễn Phương Hồng Phúc	188220201009	19/09/1996		8,5	Tam' 8,5	Phúc
10	Lê Thị Kim Sang	188220201010	15/10/1978		8	Tam	Sang
11	Trịnh Thị Thư	188220201011	10/06/1990		8	Tam	Thư
12	Lương Mỹ Trân	188220201012	24/09/1996		8	Tam	Trân
13	Phan Thị Lệ Trinh	188220201013	1995		9	Chín	Trinh
14	Phan Hoàng Diễm Trúc	188220201014	20/09/1995		8,5	Tam' 8,5	Trúc
15	Phạm Văn Sơn Khanh	188220201015	26/12/1953		8	Tam	Khanh
16	Nguyễn Đăng Minh Hoa	188220201016	16/09/1995		8	Tam	Hoa

Số SV dự KT: 16 Số tờ giấy KT: 16 Số SV vắng KT: 0 Bình Dương Ngày 10 tháng 3 năm 2019

Cán bộ coi KT 1: _____

Cán bộ coi KT 2: _____

Thư ký nhận bài KT: _____

Phòng Đào Tạo Sau Đại Học

Cán bộ giảng dạy

Nguyễn Hoàng Huệ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
-oOo-

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA HỌC PHẦN (30%)
KHÓA HỌC 2018-2020

Học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học (01AV00109)
Lớp: Cao học Ngôn ngữ Anh khóa 5 (CH18AV01)
CBGD:

Số tín chỉ: 2
Ngày kiểm tra:
Giờ kiểm tra:

STT	Họ và tên	MSHV	Ngày sinh	S.từ/ Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên
1	Nguyễn Thị Ngân Anh	188220201001	10/05/1995		8	tạm	
2	Đàm Lưu Bảo Châu	188220201002	23/11/1990		9	chín	
3	Nguyễn Thị Hằng	188220201003	28/10/1996		8	tạm	
4	Lê Thị Thúy Hằng	188220201004	12/09/1987		8,5	tạm năm	
5	Tô Kim Hồng	188220201005	24/01/1996		9	chín	
6	Nguyễn Thị Linh Hương	188220201006	30/05/1986		8	tạm	
7	Nguyễn Thị Ngọc Loan	188220201007	01/09/1990		8	tạm	
8	Ngô Thị Yến Nhi	188220201008	20/07/1992		8,5	tạm năm	
9	Nguyễn Phương Hồng Phúc	188220201009	19/09/1996		8	tạm	
10	Lê Thị Kim Sang	188220201010	15/10/1978		8	tạm	
11	Trịnh Thị Thư	188220201011	10/06/1990		8	tạm	
12	Lương Mỹ Trân	188220201012	24/09/1996		8,5	tạm năm	
13	Phan Thị Lệ Trinh	188220201013	1995		9	chín	
14	Phan Hoàng Diễm Trúc	188220201014	20/09/1995		8	tạm	
15	Phạm Văn Sơn Khanh	188220201015	26/12/1953				
16	Nguyễn Đặng Minh Hoa	188220201016	16/09/1995		8	tạm	

Số SV dự KT: 15 Số tờ giấy KT: Số SV vắng KT: 1 Ngày 28 tháng 1 năm 2019

Các STT chỉnh sửa: không

Số chỗ chỉnh sửa: không

Phòng Đào Tạo Sau Đại Học

Cán bộ giảng dạy

Tạ Thị Thanh Loan

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

-oOo-

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA KẾT THÚC HỌC PHẦN (70%)

KHÓA HỌC 2018-2020

Học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học (01AV00109)

Lớp: Cao học Ngôn ngữ Anh khóa 5 (CH18AV01)

CBGD:

Số tín chỉ: 2

Ngày kiểm tra:

Giờ kiểm tra:

STT	Họ và tên	MSHV	Ngày sinh	S.tò/ Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên
1	Nguyễn Thị Ngân Anh	188220201001	10/05/1995		8,0	tám	
2	Đàm Lưu Bảo Châu	188220201002	23/11/1990		7,5	bảy năm	
3	Nguyễn Thị Hằng	188220201003	28/10/1996		8,5	tám năm	
4	Lê Thị Thúy Hằng	188220201004	12/09/1987		7,5	bảy năm	
5	Tô Kim Hồng	188220201005	24/01/1996		8,0	tám	
6	Nguyễn Thị Linh Hương	188220201006	30/05/1986		7,5	bảy năm	
7	Nguyễn Thị Ngọc Loan	188220201007	01/09/1990		7,0	bảy	
8	Ngô Thị Yến Nhi	188220201008	20/07/1992		7,5	bảy năm	
9	Nguyễn Phương Hồng Phúc	188220201009	19/09/1996		7,0	bảy	
10	Lê Thị Kim Sang	188220201010	15/10/1978		8,0	tám	
11	Trịnh Thị Thư	188220201011	10/06/1990		7,0	bảy	
12	Lương Mỹ Trân	188220201012	24/09/1996		7,5	bảy năm	
13	Phan Thị Lệ Trinh	188220201013	1995		7,0	bảy	
14	Phan Hoàng Diễm Trúc	188220201014	20/09/1995		7,5	bảy năm	
15	Phạm Văn Sơn Khanh	188220201015	26/12/1953				
16	Nguyễn Đặng Minh Hoa	188220201016	16/09/1995		7,5	bảy năm	

Số SV dự KT: 15 Số tờ giấy KT: 1 Số SV vắng KT: 1 Ngày 16 tháng 4 năm 2019

Cán bộ coi KT 1: _____

Cán bộ coi KT 2: _____

Thư ký nhận bài KT: _____

Phòng Đào Tạo Sau Đại Học

Cán bộ giảng dạy

 Tạ Thị Thanh Loan

Bảng ghi điểm chi tiết (30%)

Môn học: Ngôn ngữ học đối chiếu

Lớp: CH18AV01

STT	MSHV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số tờ/ Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên
1	188220201001	Nguyễn Thị Ngân Anh	Nữ	10/05/1995		8,5		
2	188220201002	Đàm Lưu Bảo Châu	Nữ	23/11/1990		9,6		
3	188220201003	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	28/10/1996		8,5		
4	188220201004	Lê Thị Thúy Hằng	Nữ	12/09/1987		8,5		
5	188220201005	Tô Kim Hồng	Nữ	24/01/1996		9		
6	188220201006	Nguyễn Thị Linh Hương	Nữ	30/5/1986		8,2		
7	188220201007	Nguyễn Thị Ngọc Loan	Nữ	01/09/1990		7,9		
8	188220201008	Ngô Thị Yến Nhi	Nữ	20/07/1992		8		
9	188220201009	Nguyễn Phương Hồng Phúc	Nữ	19/9/1996		9,6		
10	188220201010	Lê Thị Kim Sang	Nữ	15/10/1978		9,4		
11	188220201011	Trịnh Thị Thư	Nữ	10/6/1990		9		
12	188220201012	Lương Mỹ Trân	Nữ	24/9/1996		8,7		
13	188220201013	Phan Thị Lệ Trinh	Nữ	1995		9		
14	188220201014	Phan Hoàng Diễm Trúc	Nữ	20/09/1995		8,8		
15	188220201015	Phạm Văn Sơn Khanh	Nam	26/12/1953				
16	188220201016	Nguyễn Đặng Minh Hoa	Nữ	16/9/1995		7,9		

Giảng viên

Bảng ghi điểm chi tiết (70%)

Môn học: Ngôn ngữ học đối chiếu

Lớp: CH18AV01

STT	MSHV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Số tờ/ Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên
1	188220201001	Nguyễn Thị Ngân	Anh	Nữ	10/05/1995		8,9		
2	188220201002	Đàm Lưu Bảo	Châu	Nữ	23/11/1990		9,5		
3	188220201003	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	28/10/1996		8,4		
4	188220201004	Lê Thị Thúy	Hằng	Nữ	12/09/1987		9,1		
5	188220201005	Tô Kim	Hồng	Nữ	24/01/1996		9,1		
6	188220201006	Nguyễn Thị Linh	Hương	Nữ	30/5/1986		9,2		
7	188220201007	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	Nữ	01/09/1990		9		
8	188220201008	Ngô Thị Yến	Nhi	Nữ	20/07/1992		8		
9	188220201009	Nguyễn Phương Hồng	Phúc	Nữ	19/9/1996		9,4		
10	188220201010	Lê Thị Kim	Sang	Nữ	15/10/1978		8,5		
11	188220201011	Trịnh Thị	Thư	Nữ	10/6/1990		9,2		
12	188220201012	Lương Mỹ	Trân	Nữ	24/9/1996		8,9		
13	188220201013	Phan Thị Lệ	Trình	Nữ	1995		9,1		
14	188220201014	Phan Hoàng Diễm	Trúc	Nữ	20/09/1995		9		
15	188220201015	Phạm Văn Sơn	Khanh	Nam	26/12/1953				
16	188220201016	Nguyễn Đặng Minh	Hoa	Nữ	16/9/1995		9		

Giảng viên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
-oOo-

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA HỌC PHẦN (30%)
KHÓA HỌC 2018-2020

Học phần: Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis) (01AV0105)
Lớp: Cao học Ngôn ngữ Anh khóa 5 (CH18AV01)
CBGD:

Số tín chỉ: 3
Ngày kiểm tra:
Giờ kiểm tra:

STT	Họ và tên	MSHV	Ngày sinh:	S.tò/ Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên
1	Nguyễn Thị Ngân Anh	188220201001	10/05/1995		8,0	Tam	Như
2	Đàm Lưu Bảo Châu	188220201002	23/11/1990		8,0	Tam	Phạm
3	Nguyễn Thị Hằng	188220201003	28/10/1996		7,0	Ba?	hàng
4	Lê Thị Thúy Hằng	188220201004	12/09/1987		7,0	Ba?	Thư
5	Tô Kim Hồng	188220201005	24/01/1996		7,5	Ba?	Thư
6	Nguyễn Thị Linh Hương	188220201006	30/05/1986		8,0	Tam	Thư
7	Nguyễn Thị Ngọc Loan	188220201007	01/09/1990		7,0	Ba?	Thư
8	Ngô Thị Yến Nhi	188220201008	20/07/1992		7,5	Ba?	Thư
9	Nguyễn Phương Hồng Phúc	188220201009	19/09/1996		8,0	Tam	Thư
10	Lê Thị Kim Sang	188220201010	15/10/1978		7,5	Ba?	Thư
11	Trịnh Thị Thư	188220201011	10/06/1990		7,5	Ba?	Thư
12	Lương Mỹ Trân	188220201012	24/09/1996		7,0	Ba?	Thư
13	Phan Thị Lê Trinh	188220201013	1995		8,0	Tam	Thư
14	Phan Hoàng Diễm Trúc	188220201014	20/09/1995		8,0	Tam	Thư
15	Phạm Văn Sơn Khanh	188220201015	26/12/1953		7,0	Ba?	Thư
16	Nguyễn Đặng Minh Hoa	188220201016	16/09/1995		7,0	Ba?	Thư

Số SV dự KT: 16 Số tờ giấy KT: 0 Số SV vắng KT: 0 Ngày 26 tháng 05 năm 2019

Các STT chỉnh sửa: 10

Số chỗ chỉnh sửa: 02

Phòng Đào Tạo Sau Đại Học

Cán bộ giảng dạy

Vũ Kim Hà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
-oOo-

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA KẾT THÚC HỌC PHẦN (70%)
KHOA HỌC 2018-2020

Học phần: Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis) (01AV0105)
Lớp: Cao học Ngôn ngữ Anh khóa 5 (CH18AV01)
CBGD:

Số tín chỉ: 3
Ngày kiểm tra:
Giờ kiểm tra:

STT	Họ và tên	MSHV	Ngày sinh	S.từ/ Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên
1	Nguyễn Thị Ngân Anh	188220201001	10/05/1995		7,5	Bảy Năm	Danh
2	Đàm Lưu Bảo Châu	188220201002	23/11/1990		7,5	Bảy Năm	Phan
3	Nguyễn Thị Hằng	188220201003	28/10/1996		8,0	Tám	Phan
4	Lê Thị Thúy Hằng	188220201004	12/09/1987		7,0	Bảy	Phan
5	Tô Kim Hồng	188220201005	24/01/1996		7,0	Bảy	Phan
6	Nguyễn Thị Linh Hương	188220201006	30/05/1986		7,5	Bảy Năm	Phan
7	Nguyễn Thị Ngọc Loan	188220201007	01/09/1990		6,0	Sáu	Phan
8	Ngô Thị Yến Nhi	188220201008	20/07/1992		6,0	Sáu	Phan
9	Nguyễn Phương Hồng Phúc	188220201009	19/09/1996		8,0	Tám	Phan
10	Nguyễn Thị Kim Sang	188220201010	15/10/1978		7,0	Bảy	Phan
11	Lê Thị Kim Thư	188220201011	10/06/1990		9,0	Chín	Phan
12	Trịnh Thị Trân	188220201012	24/09/1996		5,0	Năm	Phan
13	Lương Mỹ Trinh	188220201013	1995		7,0	Bảy	Phan
14	Phan Thị Lệ Trúc	188220201014	20/09/1995		8,0	Tám	Phan
15	Phan Hoàng Diễm Khanh	188220201015	26/12/1953				Phan
16	Phạm Văn Sơn	188220201016	16/09/1995		7,5	Bảy Năm	Phan

Số SV dự KT: ____ Số tờ giấy KT: ____ Số SV vắng KT: ____ Ngày 01 tháng 08 năm 2019

Cán bộ coi KT 1: _____

Cán bộ coi KT 2: _____

Thư ký nhận bài KT: _____

Phòng Đào Tạo Sau Đại Học

Cán bộ giảng dạy

ha
Võ Kim Hà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
-oOo-

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA HỌC PHẦN (30%)
KHÓA HỌC 2018-2020

Học phần: Viết tiếng Anh học thuật (Academic Writing) (01AV01)
Lớp: Cao học Ngôn ngữ Anh khóa 5 (CH18AV01)
CBGD:

Số tín chỉ: 3

Ngày kiểm tra:

Giờ kiểm tra:

STT	Họ và tên	MSHV	Ngày sinh	S.từ/ Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên
1	Nguyễn Thị Ngân Anh	188220201001	10/05/1995		6.58	Sáu, năm tám	
2	Đàm Lưu Bảo Châu	188220201002	23/11/1990		6.58	Sáu, năm tám	
3	Nguyễn Thị Hằng	188220201003	28/10/1996		5.63	Năm, sáu ba	
4	Lê Thị Thúy Hằng	188220201004	12/09/1987		6.25	Sáu, hai lăm	
5	Tô Kim Hồng	188220201005	24/01/1996		4.23	Bốn, hai ba	
6	Nguyễn Thị Linh Hương	188220201006	30/05/1986		6.88	Sáu, tám tám	
7	Nguyễn Thị Ngọc Loan	188220201007	01/09/1990		4.5	Bốn, năm	
8	Ngô Thị Yến Nhi	188220201008	20/07/1992		7.5	Bảy, năm	
9	Nguyễn Phương Hồng Phúc	188220201009	19/09/1996		7.55	Bảy, năm lăm	
10	Lê Thị Kim Sang	188220201010	15/10/1978		4.73	Bốn, bảy ba	
11	Trịnh Thị Thư	188220201011	10/06/1990		7.75	Bảy, bảy lăm	
12	Lương Mỹ Trân	188220201012	24/09/1996		7.35	Bảy, ba lăm	
13	Phan Thị Lệ Trinh	188220201013	1995		6.63	Sáu, sáu ba	
14	Phan Hoàng Diễm Trúc	188220201014	20/09/1995		6.25	Sáu, hai lăm	
15	Phạm Văn Sơn Khanh	188220201015	26/12/1953		1.23	Một, hai ba	
16	Nguyễn Đặng Minh Hoa	188220201016	16/09/1995		7.4	Bảy, bốn	

Số SV dự KT: 16 Số tờ giấy KT: Số SV vắng KT: 0 Ngày 16 tháng 03 năm 2019

Các STT chỉnh sửa:

Số chỗ chỉnh sửa:

Phòng Đào Tạo Sau Đại Học

Cán bộ giảng dạy

Phạm Thị Hồng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
-oOo-

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA KẾT THÚC HỌC PHẦN (70%)
KHÓA HỌC 2018-2020

Số tín chỉ: 3

Ngày kiểm tra:

Giờ kiểm tra:

Học phần: Viết tiếng Anh học thuật (Academic Writing) (01AV01)

Lớp: Cao học Ngôn ngữ Anh khóa 5 (CH18AV01)

CBGD:

STT	Họ và tên	MSHV	Ngày sinh	S.tò/ Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên
1	Nguyễn Thị Ngân Anh	188220201001	10/05/1995		8	Tám chấm	
2	Đàm Lưu Bảo Châu	188220201002	23/11/1990		8,25	Tám, hai lăm	
3	Nguyễn Thị Hằng	188220201003	28/10/1996		8	Tám chấm	
4	Lê Thị Thúy Hằng	188220201004	12/09/1987		6	Sáu chấm	
5	Tô Kim Hồng	188220201005	24/01/1996		6	Sáu chấm	
6	Nguyễn Thị Linh Hương	188220201006	30/05/1986		8	Tám chấm	
7	Nguyễn Thị Ngọc Loan	188220201007	01/09/1990		8	Tám chấm	
8	Ngô Thị Yến Nhi	188220201008	20/07/1992		8,25	Tám, hai lăm	
9	Nguyễn Phương Hồng Phúc	188220201009	19/09/1996		8	Tám chấm	
10	Lê Thị Kim Sang	188220201010	15/10/1978		6	Sáu chấm	
11	Trịnh Thị Thư	188220201011	10/06/1990		8	Tám chấm	
12	Lương Mỹ Trân	188220201012	24/09/1996		8	Tám chấm	
13	Phan Thị Lệ Trinh	188220201013	1995		6	Sáu chấm	
14	Phan Hoàng Diễm Trúc	188220201014	20/09/1995		8	Tám chấm	
15	Phạm Văn Sơn Khanh	188220201015	26/12/1953		8,25	Tám, hai lăm	
16	Nguyễn Đặng Minh Hoa	188220201016	16/09/1995		8,25	Tám, hai lăm	

Số SV dự KT: 16 Số tờ giấy KT: 0 Số SV vắng KT: 0 Ngày 29 tháng 03 năm 20 19

Cán bộ coi KT 1: _____

Cán bộ coi KT 2: _____

Thư ký nhận bài KT: _____

Phòng Đào Tạo Sau Đại Học

Cán bộ giảng dạy

Phạm Thị Hằng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
-oOo-

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA HỌC PHẦN (30%)
KHÓA HỌC 2018-2020

Học phần: Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics) (01AV01061)

Số tín chỉ: 2

Lớp: Cao học Ngôn ngữ Anh khóa 5 (CH18AV01)

Ngày kiểm tra:

CBGD:

Giờ kiểm tra:

STT	Họ và tên	MSHV	Ngày sinh	S.tò/ Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên
1	Nguyễn Thị Ngân	Anh	188220201001	10/05/1995	10	Mười	<i>[Signature]</i>
2	Đàm Lưu Bảo	Châu	188220201002	23/11/1990	8	Tám	<i>[Signature]</i>
3	Nguyễn Thị	Hằng	188220201003	28/10/1996	8	Tám	<i>[Signature]</i>
4	Lê Thị Thúy	Hằng	188220201004	12/09/1987	9	Chín	<i>[Signature]</i>
5	Tô Kim	Hồng	188220201005	24/01/1996	9	Chín	<i>[Signature]</i>
6	Nguyễn Thị Linh	Hương	188220201006	30/05/1986	9	Chín	<i>[Signature]</i>
7	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	188220201007	01/09/1990	8	Tám	<i>[Signature]</i>
8	Ngô Thị Yến	Nhi	188220201008	20/07/1992	9	Chín	<i>[Signature]</i>
9	Nguyễn Phương Hồng	Phúc	188220201009	19/09/1996	10	Mười	<i>[Signature]</i>
10	Lê Thị Kim	Sang	188220201010	15/10/1978	9	Chín	<i>[Signature]</i>
11	Trịnh Thị	Thư	188220201011	10/06/1990	10	Mười	<i>[Signature]</i>
12	Lương Mỹ	Trân	188220201012	24/09/1996	10	Mười	<i>[Signature]</i>
13	Phan Thị Lệ	Trinh	188220201013	1995	9	Chín	<i>[Signature]</i>
14	Phan Hoàng Diễm	Trúc	188220201014	20/09/1995	10	Mười	<i>[Signature]</i>
15	Phạm Văn Sơn	Khanh	188220201015	26/12/1953	8	Tám	<i>[Signature]</i>
16	Nguyễn Đặng Minh	Hoa	188220201016	16/09/1995	9	Chín	<i>[Signature]</i>

Số SV dự KT: _____ Số tờ giấy KT: _____ Số SV vắng KT: _____ Ngày 7 tháng 7 năm 2019

Các STT chỉnh sửa:

Số chỗ chỉnh sửa:

Phòng Đào Tạo Sau Đại Học

Cán bộ giảng dạy

[Signature]
Nguyễn Thị Thanh Tâm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
-oOo-

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA KẾT THÚC HỌC PHẦN (70%)
KHÓA HỌC 2018-2020

Học phần: Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics) (01AV01061)
Lớp: Cao học Ngôn ngữ Anh khóa 5 (CH18AV01)
CBGD:

Số tín chỉ: 2
Ngày kiểm tra:
Giờ kiểm tra:

STT	Họ và tên	MSHV	Ngày sinh	S.tò/ Mã đề	Điểm số Chữ	Điểm chữ Số	Ký tên
1	Nguyễn Thị Ngân Anh	188220201001	10/05/1995		tám	8	Mu
2	Đàm Lưu Bảo Châu	188220201002	23/11/1990		chín	9	Chao
3	Nguyễn Thị Hằng	188220201003	28/10/1996		tám	8	Hang
4	Lê Thị Thủy Hằng	188220201004	12/09/1987		chín	9	Thuy
5	Tô Kim Hồng	188220201005	24/01/1996		tám	8	Kim
6	Nguyễn Thị Linh Hương	188220201006	30/05/1986		tám	8	Linh
7	Nguyễn Thị Ngọc Loan	188220201007	01/09/1990		tám	8	Ngoc
8	Ngô Thị Yến Nhi	188220201008	20/07/1992		chín	9	Yen
9	Nguyễn Phương Hồng Phúc	188220201009	19/09/1996		chín	9	Phuc
10	Lê Thị Kim Sang	188220201010	15/10/1978		tám	8	Kim
11	Trịnh Thị Thụ	188220201011	10/06/1990		chín	9	Thu
12	Lương Mỹ Trân	188220201012	24/09/1996		chín	9	Tran
13	Phan Thị Lệ Trinh	188220201013	1995		tám	8	Lệ
14	Phan Hoàng Diễm Trúc	188220201014	20/09/1995		chín	9	Hoang
15	Phạm Văn Sơn Khanh	188220201015	26/12/1953		bảy	7	Pham
16	Nguyễn Đặng Minh Hoa	188220201016	16/09/1995		chín	9	Minh

Số SV dự KT: _____ Số tờ giấy KT: _____ Số SV vắng KT: _____ Ngày 14 tháng 7 năm 2019

Cán bộ coi KT 1: _____

Cán bộ coi KT 2: _____

Thư ký nhận bài KT: _____

Phòng Đào Tạo Sau Đại Học

Cán bộ giảng dạy


Nguyễn Thị Thanh Tâm

NG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

-oOo-

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA HỌC PHẦN (30%)

KHOA HỌC 2018-2020

Học phần: Hội thảo viết luận văn (Seminar in Thesis Writing) (01)

Lớp: Cao học Ngôn ngữ Anh khóa 5 (CH18AV01)

CBGD:

Số tín chỉ: 2

Ngày kiểm tra:

Giờ kiểm tra:

STT	Họ và tên	MSHV	Ngày sinh	S.tò/ Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên
1	Dàm Lưu Bảo	Châu	188220201002	23/11/1990	7	Bảy	Chau
2	Nguyễn Thị	Hằng	188220201003	28/10/1996	7	Bảy	Hang
3	Lê Thị Thúy	Hằng	188220201004	12/09/1987	7,5	Bảy rưỡi	Thuy
4	Tô Kim	Hồng	188220201005	24/01/1996	7,5	Bảy rưỡi	Hong
5	Nguyễn Thị Linh	Hương	188220201006	30/05/1986	7,5	Bảy rưỡi	Huong
6	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	188220201007	01/09/1990	7	Bảy	Loan
7	Ngô Thị Yến	Nhi	188220201008	20/07/1992	7	Bảy	Nhi
8	Lê Thị Kim	Sang	188220201010	15/10/1978	7,5	Bảy rưỡi	Kim
9	Trịnh Thị	Thư	188220201011	10/06/1990	7	Bảy	Thi
10	Lương Mỹ	Trần	188220201012	24/09/1996	7,5	Bảy rưỡi	My
11	Phan Thị Lệ	Trình	188220201013	1995	7,5	Bảy rưỡi	Phan
12	Phan Hoàng Diễm	Trúc	188220201014	20/09/1995	7,5	Bảy rưỡi	Phan
13	Phạm Văn Sơn	Khanh	188220201015	26/12/1953	7	Bảy	Son
14	Nguyễn Đặng Minh	Hoa	188220201016	16/09/1995	7	Bảy	Minh

Số SV dự KT: 11 Số tờ giấy KT: Số SV vắng KT: 3 Ngày tháng năm 20

Các STT chỉnh sửa:

Số chỗ chỉnh sửa:

Phòng Đào Tạo Sau Đại Học

Cán bộ giảng dạy

MT

Tô Minh Thanh

NG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

-oOo-

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA KẾT THÚC HỌC PHẦN (70%)

KHÓA HỌC 2018-2020

Học phần: Hội thảo viết luận văn (Seminar in Thesis Writing) (01)

Lớp: Cao học Ngôn ngữ Anh khóa 5 (CH18AV01)

CBGD:

Số tín chỉ: 2

Ngày kiểm tra:

Giờ kiểm tra:

STT	Họ và tên	MSHV	Ngày sinh	S.tò/ Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên
1	Dàm Lưu Bảo	Châu	188220201002	23/11/1990	8	Tám	Châu
2	Nguyễn Thị	Hằng	188220201003	28/10/1996	7	Bảy	Hằng
3	Lê Thị Thủy	Hằng	188220201004	12/09/1987	7	Bảy	Thủy
4	Tô Kim	Hồng	188220201005	24/01/1996	8	Tám	Hồng
5	Nguyễn Thị Linh	Hương	188220201006	30/05/1986			
6	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	188220201007	01/09/1990	7,5	Bảy rưỡi	Ngọc
7	Ngô Thị Yên	Nhi	188220201008	20/07/1992	7,5	Bảy rưỡi	Yên
8	Lê Thị Kim	Sang	188220201010	15/10/1978	7,5	Bảy rưỡi	Kim
9	Trịnh Thị	Thư	188220201011	10/06/1990	7	Bảy	Thư
10	Lương Mỹ	Trần	188220201012	24/09/1996	7	Bảy	Mỹ
11	Phan Thị Lệ	Trinh	188220201013	1995	7	Bảy	Lệ
12	Phan Hoàng Diễm	Trúc	188220201014	20/09/1995	7,5	Bảy rưỡi	Diễm
13	Phạm Văn Sơn	Khanh	188220201015	26/12/1953	7,5	Bảy rưỡi	Sơn
14	Nguyễn Đặng Minh	Hoa	188220201016	16/09/1995	7,5	Bảy rưỡi	Minh

Số SV dự KT: 11 Số tờ giấy KT: Số SV vắng KT: 3 Ngày tháng năm 20

Cán bộ coi KT 1:

Cán bộ coi KT 2:

Thư ký nhận bài KT:

Phòng Đào Tạo Sau Đại Học

Cán bộ giảng dạy


 Tô Minh Thanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

-oOo-

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA HỌC PHẦN (30%)

KHÓA HỌC 2018-2020

Học phần: Phương pháp kiểm tra và đánh giá ngôn ngữ (Langua)

Lớp: Cao học Ngôn ngữ Anh khóa 5 (CH18AV01)

CBGD:

Số tín chỉ: 2

Ngày kiểm tra:

Giờ kiểm tra:

STT	Họ và tên	MSHV	Ngày sinh	S.tò/ Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên
1	Đàm Lưu Bảo	Châu	188220201002	23/11/1990	7.0	Bảy	Châu
2	Nguyễn Thị	Hằng	188220201003	28/10/1996	7.5	Bảy rưỡi	Hằng
3	Lê Thị Thúy	Hằng	188220201004	12/09/1987	5.5	Năm rưỡi	Thủy
4	Tô Kim	Hồng	188220201005	24/01/1996			
5	Nguyễn Thị Linh	Hương	188220201006	30/05/1986	6.0	Sáu	Thảo
6	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	188220201007	01/09/1990			
7	Ngô Thị Yến	Nhi	188220201008	20/07/1992	5.5	Năm rưỡi	Nhi
8	Lê Thị Kim	Sang	188220201010	15/10/1978	5.0	Năm	Kim
9	Trịnh Thị	Thư	188220201011	10/06/1990	8.0	Tám	Thư
10	Lương Mỹ	Trần	188220201012	24/09/1996	6.5	Sáu rưỡi	Mỹ
11	Phan Thị Lệ	Trinh	188220201013	1995	6.5	Sáu rưỡi	Trinh
12	Phan Hoàng Diễm	Trúc	188220201014	20/09/1995	6.5	Sáu rưỡi	Trúc
13	Phạm Văn Sơn	Khanh	188220201015	26/12/1953	4.5	Bốn rưỡi	Sơn
14	Nguyễn Đặng Minh	Hoa	188220201016	16/09/1995	7.5	Bảy rưỡi	Minh

Số SV dự KT: 12 Số tờ giấy KT: 2 Số SV vắng KT: 2 Ngày tháng năm 20

Các STT chỉnh sửa:

Số chỗ chỉnh sửa:

Phòng Đào Tạo Sau Đại Học

Cán bộ giảng dạy



Phạm Thị Hương

Số tín chỉ: 2
Ngày kiểm tra:
Giờ kiểm tra:


phạm thị hằng